TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2025
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Ông Trần Ngọc Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *(không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).*

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thị Út D**, sinh năm 1984 (đề nghị vắng mặt); Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1985 (vắng mặt); Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2024, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lâm Thị Út D1 bày: Chị và anh Nguyễn Văn Ú1 thời gian tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có

đăng ký kết hôn tại UBND xã T2(huyện B, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2006. Nữ trang cưới gồm có: Một sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, một cặp nhẫn cưới 06 phần vàng 18K, hiện nay số vàng trên vợ chồng đã sử dụng hết. Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thái A(sinh ngày 29/11/2006) hiện đang sống với cha; Nguyễn Văn T(sinh ngày 05/11/2009), Nguyễn Văn P ngày 05/11/2009) hiện đang sống với mẹ.

Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng những năm gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm do kinh tế gia đình gặp khó khăn, không thể hòa thuận; vợ chồng đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng đều không thành, đã ly thân khoảng một năm nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau vì tình cảm không còn.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo ra tài sản chung và không có nợ chung.

Chị Lâm Thị Út D2 kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú. Về con chung: Đồng ý để anh Ú tiếp tục chăm sóc con chung Nguyễn Thái A (sinh ngày 29/11/2006); chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc 02 con chung là Nguyễn Văn T(sinh ngày 05/11/2009), Nguyễn Văn P ngày 05/11/2009), chị và anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

Do phải đi làm xa, việc đi lại khó khăn và chăm sóc 02 con chung nên chị xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Lâm Thị Út D3 cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú, anh Ú có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét chị D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ú đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 14/3/2025, ngày 02/4/2025 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội đồng

xét xử giải quyết vắng mặt chị D4 Ú là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét chị D và anh Ú tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, việc sống chung không có hạnh phúc. Theo trình bày của chị D5 vợ chồng đã ly thân khoảng một năm nay, thời gian trước vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả. Từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng, xét hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, việc tiếp tục sống chung đã không thể. Chị D yêu cầu ly hôn với anh Ú là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh Ú có ba con chung tên Nguyễn Thái A(sinh ngày 29/11/2006) Nguyễn Văn T(sinh ngày 05/11/2009), Nguyễn Văn P ngày 05/11/2009). Xét hiện nay con chung Nguyễn Thái A1 thành niên nên không đặt ra xem xét. Xét từ lúc ly thân, con chung là Tvà Pdo chị D trực tiếp chăm sóc, các con chung hiện có cuộc sống đã ổn định; Tvà P có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, anh Ú chưa có ý kiến phản đối hay tranh chấp về việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị D6 tiếp tục chăm sóc 02 con chung tên Tvà P1 phù hợp. Chị D7 anh Ú2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D4 Ú không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lâm Thị Ú3 D uỳnh phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Ú3 D

1. Về hôn nhân: Chị D được ly hôn với anh

2. Về con chung: Công nhận cho chị D6 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Văn T(sinh ngày 05/11/2009), Nguyễn Văn P ngày 05/11/2009). Anh Ú chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D7 anh Ú có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lâm Thị Út D phải nộp án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*; số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000228 ngày 23/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã Thành Trung;
(h. Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long)
- Lưu: 04.